TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **80**/2019/HNGĐ-ST
Ny: 09/7/2019
Về việc: "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Phạm Văn Tài

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không tham gia phiên tòa.

Ny 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ Ny 08 tháng 5 năm 2019 về việc **"**Yêu cầu ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX-HNGĐ Ny 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên G

2. Bị đơn: Anh **Dương Trường G**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Dương Trường G quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên G Ny 26/02/2016.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi sống không có hạnh phúc do hai bên không hòa hợp được với nhau trong cuộc sống chung do tính tình có sự khác biệt quá nhiều. Đến tháng 6/2016 hai bên quyết định sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh G để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai, bị đơn anh Dương Trường G trình bày như sau:* Tôi và cô N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Chúng tôi chưa có con chung, chưa có tài sản chung và nợ chung. Nay cô N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý ly hôn với cô N vì thực tế vợ chồng tôi chỉ chung sống với nhau khoảng 6 tháng, sau đó thì ly thân đến nay gần 02 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi và cô N không có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân nên sau khi kết hôn hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Trường G có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Trường G kết hôn là do tự nguyện và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên G theo Giấy chứng nhận kết hôn Ny 26/02/2016 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống chị N và anh G phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung. Nguyên nhân chính là do hai bên không có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân nên sau khi kết hôn xảy ra bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cuộc sống chung. Từ đó chị N và anh G đã quyết định sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm gì với anh G, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh G nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này. Tại bản tự khai, anh G cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N với anh Dương Trường G.

3. Về con chung: Chị N và anh G chưa có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh G xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N với anh Dương Trường G.

2. Về con chung: Chị N và anh G chưa có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân sơ th ẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên G theo biên lai thu số 0002331 Ny 06 tháng 5 năm 2019. Chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án. Riêng anh Dương Trường G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được bản án hoặc kể từ Ny bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên G;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã S;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc